

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 19/4/2024
V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Bà Trần Thị Chơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2024/QĐXXPT-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hòa T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số A, đường L, khu phố A, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Địa chỉ liên hệ: 44 N, khu phố C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số A, đường L, khu phố A, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Địa chỉ liên hệ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang).

-Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn T1.

(Bà T, ông T1 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hòa T trình bày: Bà T và ông Nguyễn Văn T1 tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới năm 2012, đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 20/4/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không có tiếng nói chung. Ông T1 thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm và uy hiếp tinh thần của bà, nên thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà T đã xin ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Hồng G, giới tính nữ, sinh ngày 19/7/2015 và Nguyễn Hồng A, giới tính nữ, sinh ngày 13/8/2018, hiện đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày: ông và bà T yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ có lý do thời gian ông bị bệnh tôi có nói chuyện nặng lời, cãi vã với bà T, nhưng không nghiêm trọng đến mức phải ly hôn. Ông T1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hòa T, do còn thương vợ con. Nếu bà T cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Hồng G, sinh ngày 19/7/2015 và Nguyễn Hồng A, sinh ngày 13/8/2018, hiện nay đang sống chung với bà T. Ông T1 yêu cầu nuôi con Nguyễn Hồng G, sinh ngày 19/7/2015, ông đồng ý giao Nguyễn Hồng A cho bà T nuôi dưỡng, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 07/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hòa T và ông Nguyễn Văn T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Hồng G sinh ngày 19/7/2015 và Nguyễn Hồng A, sinh ngày 13/8/2018 cho bà Nguyễn Thị Hòa T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông Nguyễn Văn T1 được quyền lui tới thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung : bà T, ông T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Bà T, ông T1 xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 17/01/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hồng G sinh ngày 19/7/2015, không yêu cầu chi T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hòa T trình bày: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hồng G sinh ngày 19/7/2015. Yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm. Lý do:

Cách giáo dục chăm sóc của ông T1 đối với con không tốt về bên ngoài của cháu, làm ảnh hưởng tâm lý của con trong độ tuổi đang trưởng thành.

Ông T1 có thu nhập kinh tế không ổn định. Việc ông T1 dẫn cháu H Ghi về sống chung khi sang thăm con từ tháng 12/2023 đến nay là gây áp lực cho bà không ly hôn. Ông T1 gởi cháu sống với bà nội cháu và chuyển trường học cho cháu G không báo với bà biết. Bé Hồng G đang độ tuổi chuẩn bị dậy thì rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ để cho cháu phát triển thể chất và tinh thần tốt nhất. Nhà ông T1 đang ở 1 L, Rạch Giá hiện nay là của Cha bà cho bà. Hiện nay bà ở nhà thuê nhưng vẫn đảm bảo chỗ ở, cuộc sống tốt cho các con.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng bé Hồng G. Lý do cháu G về sống chung với ông là do cháu G không muốn sống chung với mẹ cháu. Hiện nay ông đã chuyển trường cho cháu G về học ở T và gởi cháu G cho mẹ và em ruột ông chăm sóc cháu hàng ngày khi đi học, cuối tuần ông T1 rước cháu về nhà ở Rạch G. Ông có đủ điều kiện kinh tế, nơi ở và thời gian chăm sóc nuôi dạy cháu G. Bà T ở nhà trọ không đủ điều kiện để nuôi hai người con. Cháu G là động lực trong cuộc sống của ông. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu G.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét điều kiện kinh tế, thời gian chăm sóc, hoàn cảnh sinh sống, sự phát triển tâm lý của cháu **Hồng G** trong độ tuổi đang tuổi trưởng thành rất cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **T1**, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[2] Về nuôi con chung sau ly hôn: Xét kháng cáo của bị đơn ông **Nguyễn Văn T1** yêu cầu được nuôi trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Hồng G**, giới tính nữ, sinh ngày 19/7/2025. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích điều kiện thực tế của mỗi bên, giải thích quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng con sau ly hôn của các bên theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nhưng hai bên không thỏa thuận được. Ý kiến của cháu **Hồng G** tại cấp sơ thẩm muốn sống chung với mẹ, tại cấp phúc thẩm thì cháu muốn sống chung cha và mẹ. Thời gian cấp sơ thẩm giải quyết thì cháu đang sống chung với mẹ, cấp phúc thẩm giải quyết thì cháu đang sống với cha.

Xét điều kiện hoàn cảnh sống thì cả chị **T**, anh **T1** đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Hồng G**. Thời gian cháu **Hồng G** về sống chung với ông **T1** từ tháng 12/2023 không có sự tự nguyện thỏa thuận của chị **T** giao cháu **G** cho ông **T1** trực tiếp nuôi dưỡng. Tại cấp phúc thẩm cháu **H** Ghi có ý kiến muốn sống chung cha và mẹ. Xét thấy theo trình bày của ông **T1** tại phiên tòa là ông đang gởi cháu **G** cho mẹ và em của ông trực tiếp chăm sóc, đưa đón học hành, cuối tuần ông rước cháu về nhà tại **Rạch G**. Bà **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu **G** do cháu là nữ đang độ tuổi chuẩn bị dậy thì cần có sự chăm sóc dạy bảo trực tiếp của người mẹ. Do vậy để tạo điều kiện tốt nhất cho cháu **H** Ghi có tâm lý, thể chất phát triển tốt nhất trong độ tuổi trưởng thành và cũng theo nguyện vọng của cháu **G** nên trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông **Nguyễn Văn T1**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm; giao cháu **Nguyễn Hồng G**, sinh ngày 19/7/2015, giới tính nữ cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng; Nếu sau này bà **T** không đủ điều kiện nuôi cháu thì ông **T1** có quyền xin thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: án phí sơ thẩm giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm ông T1 phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp theo biên lai thu của cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ; khoản 5 Điều 27, khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T1.
- Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hòa T và ông Nguyễn Văn T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên Nguyễn Hồng G, giới tính nữ, sinh ngày 19/7/2015 và Nguyễn Hồng A, giới tính nữ, sinh ngày 13/8/2018 cho bà Nguyễn Thị Hòa T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T1 có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Bà T, ông T1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T, ông T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí sơ thẩm : Buộc bà Nguyễn Thị Hòa T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0002914 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Án phí phúc thẩm : Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006007 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố Rạch Giá;
- Chi cục THADS thành phố Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hương